

OVERVIEW ABOUT ORGANIC AGRICULTURE IN VIETNAM: THEORY AND PRACTICE

Nguyen Hung Minh^{1*}, Nguyen Thi Hoang Anh¹, Nguyen Huu Linh¹, Hoang Hiep², Cao Truong Son²

¹Climate Change Response Center, Department of Climate Change, ²Vietnam National University of Agriculture

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	22/3/2025	Organic agriculture is an agricultural production system that is being widely developed in many countries around the world due to its benefits for environmental protection and public health. However, awareness of organic agriculture varies significantly across countries, and it remains limited, especially in low-income and developing countries, including Vietnam. This review was carried out to provide a theoretical and practical basis for organic agriculture in Vietnam. This study inherited and used data, documents and results from scientific research and international publications of domestic and foreign agencies, organizations and scientists. As a result, the article has provided basic knowledge about organic agriculture. In addition, it summarized the current status of organic agriculture development in the world and Vietnam. This review also analyzed the difficulties and challenges that organic agriculture in Vietnam is facing. From there, some solutions were proposed to promote the development of organic agriculture in the coming time. Research contributes to building a scientific basis for sustainable development of organic agriculture in Vietnam.
Revised:	12/6/2025	
Published:	12/6/2025	
KEYWORDS		
Environmental protection		
Agricultural system		
Production status		
Organic agriculture		
Vietnam		

TỔNG QUAN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI VIỆT NAM: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Hùng Minh^{1*}, Nguyễn Thị Hoàng Anh¹, Nguyễn Hữu Linh¹, Hoàng Hiệp², Cao Trường Sơn²

¹Trung tâm Ứng phó biến đổi khí hậu - Cục Biến đổi khí hậu, ²Học viện Nông nghiệp Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	22/3/2025	Nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống sản xuất nông nghiệp được phát triển tại nhiều quốc gia trên thế giới bởi tính ưu việt trong bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, nhận thức về nông nghiệp hữu cơ ở các quốc gia trên thế giới có sự khác biệt và còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ở các quốc gia nghèo và đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Bài tổng quan này được thực hiện nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam. Bằng phương pháp tổng hợp các số liệu và tài liệu nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học trên thế giới, bài tổng luận này đã trình bày những kiến thức cơ bản về nông nghiệp hữu cơ; phân tích và đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam; chỉ rõ các khó khăn thách thức mà nông nghiệp hữu cơ đang phải đối diện; và đề xuất các biện pháp can thiệp để thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam trong thời gian tới. Nghiên cứu góp phần xây dựng cơ sở khoa học để phát triển bền vững nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam.
Ngày hoàn thiện:	12/6/2025	
Ngày đăng:	12/6/2025	
TỪ KHÓA		
Bảo vệ môi trường		
Hệ thống nông nghiệp		
Hiện trạng sản xuất		
Nông nghiệp hữu cơ		
Việt Nam		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12365>

* Corresponding author. Email: minh.nh7576@gmail.com

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, hệ thống nông nghiệp hữu cơ (NNHC) nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở các quốc gia phát triển khi áp lực về lương thực, thực phẩm giảm trong khi yêu cầu về chất lượng nông sản ngày một gia tăng. Hiện nay, NNHC được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia tại khu vực Bắc Mỹ, châu Âu, châu Đại Dương nơi có sự am hiểu khá rõ ràng về lợi ích của NNHC đối với môi trường sinh thái và sức khỏe con người [1], [2]. Tuy nhiên, các kiến thức về NNHC ở nhiều quốc gia đang phát triển còn rất mới mẻ và hạn chế, trong đó có Việt Nam. Có nhiều khái niệm khác nhau về NNHC trên thế giới, tuy nhiên hầu hết các khái niệm đều có điểm chung khi khẳng định NNHC là hệ thống nông nghiệp không chấp nhận sử dụng hoá chất, đồng thời tận dụng một cách triệt để các chất hữu cơ trong hệ thống [3], [4].

NNHC nhận được sự quan tâm, ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới nhờ vào lợi ích to lớn đối với môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng [5] - [7]. Bằng các yêu cầu khắt khe đối với các yếu tố đầu vào, NNHC hướng tới việc duy trì và cải thiện sức khỏe đất một cách tự nhiên, bền vững theo thời gian và hướng tới việc tạo ra những sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao và an toàn đối với người tiêu dùng [8] - [10]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mặc dù có nhiều ưu thế về bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng nhưng sản xuất NNHC trên thế giới chưa thực sự trở thành một hệ thống sản xuất chính yếu, chỉ chiếm 2% tổng diện tích canh tác nông nghiệp của thế giới [1]. Ở Việt Nam, thực trạng sản xuất NNHC cũng đang ở vào tình huống tương tự. Có rất nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới việc phát triển NNHC ở nước ta còn hạn chế. Nghiên cứu này của chúng tôi được thực hiện nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về NNHC; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển; các khó khăn, thách thức của NNHC ở Việt Nam; từ đó đưa ra những biện pháp cải tiến để thúc đẩy phát triển NNHC trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập số liệu thứ cấp: Để thực hiện bài tổng luận này chúng tôi đã tiến hành thu thập các tài liệu thứ cấp đã được công bố trong những nghiên cứu khoa học trên thế giới và Việt Nam; dữ liệu nghiên cứu, thống kê về tình hình phát triển nông nghiệp hữu cơ của Liên đoàn quốc tế các phong trào NNHC (IFOAM).

Phân tích và đánh giá chính sách: Các chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển NNHC của Chính phủ đã được xem xét, đánh giá để chỉ ra những thuận lợi, khó khăn của phát triển NNHC ở Việt Nam hiện tại và tương lai.

Xử lý số liệu: Các dữ liệu được tổng hợp thành bảng biểu, hình vẽ và xử lý thống kê mô tả trên phần mềm Excel.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Giới thiệu chung về nông nghiệp hữu cơ

* Khái niệm

Nông nghiệp hữu cơ (NNHC) là phương pháp sản xuất lương thực nhằm phát triển các hệ thống sản xuất bền vững về mặt môi trường và kinh tế với sự nhấn mạnh vào việc sử dụng các nguồn tài nguyên tái tạo tại địa phương và sử dụng tối thiểu đầu vào. Có rất nhiều định nghĩa về NNHC. Đơn giản nhất thì đó là hệ thống sản xuất dựa vào các quá trình sinh thái, như tái chế chất thải, phân hữu cơ (như phân chuồng, phân xanh) và các loại thuốc trừ sâu tự nhiên (ví dụ các loài động vật săn mồi) thay cho các đầu vào tổng hợp như phân hoá học và thuốc trừ sâu. Việc sử dụng kháng sinh và các sản phẩm khác liên quan đến sức khỏe để chữa bệnh cho vật nuôi, cũng như để tăng năng suất bị hạn chế hoặc không được phép.

Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex của FAO/WHO định nghĩa: "NNHC là một hệ thống quản lý sản xuất toàn diện nhằm thúc đẩy và tăng cường gìn giữ sự bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp, bao gồm đa dạng sinh học, chu trình sinh học và hoạt động sinh học của đất. Nó nhấn mạnh việc sử dụng các thực tiễn quản lý thay vì sử dụng các đầu vào phi nông nghiệp, có

tính đến các điều kiện của địa phương. Điều này được thực hiện bằng cách sử dụng, nếu có thể, các phương pháp nông học, sinh học và cơ học, ngược lại với việc sử dụng các yếu tố đầu vào tổng hợp, để hoàn thành bất kỳ chức năng cụ thể nào trong hệ thống" [3].

Liên đoàn quốc tế các phong trào NNHC (International Federation of Organic Agriculture Movements - IFOAM) [11] cho rằng: "NNHC là một hệ thống sản xuất để duy trì sức khỏe của đất, hệ sinh thái và con người. Nó dựa vào quá trình sinh thái, đa dạng sinh học và chu kỳ thích nghi với điều kiện địa phương chứ không phải sử dụng các yếu tố đầu vào với các hiệu ứng bất lợi".

Ở Việt Nam, "NNHC là hệ thống sản xuất bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái và sức khỏe con người, dựa vào các chu trình sinh thái, đa dạng sinh học thích ứng với điều kiện tự nhiên, không sử dụng các yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái" [4]. NNHC được hiểu là một hệ thống kỹ thuật nuôi trồng kết hợp hướng đến sự bền vững, tăng cường độ phì của đất và sự đa dạng sinh học. Nông nghiệp hữu cơ cấm sử dụng thuốc trừ sâu bệnh tổng hợp, thuốc kháng sinh, phân bón tổng hợp, sinh vật biến đổi gen, hormon tăng trưởng mà phân đầu cho sự bền vững, tăng cường độ phì của đất và sự đa dạng.

* *Đặc điểm*: NNHC có những đặc điểm cơ bản như sau:

- Các hoạt động sản xuất NNHC phát triển theo đường hướng của một hệ thống sinh thái. Trong đó, con người, đất đai, cây trồng và vật nuôi là các bộ phận liên kết với nhau theo một thể thống nhất như một cơ thể hữu cơ.

- NNHC hướng tới sự hài hoà về mục tiêu phát triển kinh tế với mục tiêu bảo vệ môi trường. Các hoạt động sản xuất của NNHC hướng tới sự phù hợp với các quy luật tự nhiên để phát triển bền vững và đạt được tăng trưởng xanh.

- NNHC hướng tới việc phát triển tốt trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và tăng cường độ phì nhiêu của đất; tăng sức đề kháng của cây trồng, vật nuôi với các loại dịch hại; và tăng chất lượng nông sản.

- NNHC hướng tới một hệ thống không bị tác động bởi các chất lạ bên ngoài hệ thống nông trại, đặc biệt là phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật.

* *Vai trò*

Theo nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trên thế giới, NNHC đem lại nhiều lợi ích to lớn cho môi trường, hệ sinh thái và sức khỏe con người như:

i) *Góp phần phục hồi và cải thiện sức khỏe đất*: Trước hết canh tác NNHC chú trọng tới việc cải tạo và duy trì độ phì nhiêu của đất thông qua bón nhiều phân hữu cơ (phân chuồng, phân xanh, phân compost), thực hiện các biện pháp luân canh, xen canh, trồng cây che phủ đất; từ đó cải thiện cấu trúc đất, tăng khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng, thúc đẩy hoạt động của các vi sinh vật có lợi trong đất [5], [6], [12]. Mặt khác NNHC hạn chế tối đa các tác động vật lý không cần thiết tới đất thông qua quá trình làm đất tối thiểu (cày, xới đất), nhờ đó hạn chế được quá trình rửa trôi, xói mòn đất [8], [9].

ii) *Giảm tác động của hoá chất độc hại đến môi trường*: Một đặc điểm nổi bật của NNHC là không sử dụng các chất hoá học như phân bón hoá học, thuốc trừ sâu hoá học, thuốc kích thích sinh trưởng và các loại hoá chất bảo vệ thực vật khác [1], [7]. Nhờ đó loại bỏ được các chất độc hại đưa vào môi trường đất như các kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hay hiện tượng dư thừa các chất dinh dưỡng; từ đó hạn chế ô nhiễm đất, duy trì hệ sinh thái đất khỏe mạnh một cách tự nhiên để cây trồng sinh trưởng và phát triển ổn định.

iii) *Duy trì cân bằng hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học trên đồng ruộng*: Việc hạn chế sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật và phân bón hoá học giúp cho hệ sinh thái tự nhiên trên đồng ruộng được bảo vệ và duy trì ổn định; các loại sinh vật đất và thiên địch trên đồng ruộng được bảo vệ tạo ra tính đa dạng sinh học cao hình thành khả năng khống chế sinh học tự nhiên qua đó giảm thiểu được các loại dịch bệnh phát sinh. Đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng, các hoạt động canh tác hữu cơ góp phần quan trọng duy trì tính đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái trong các hệ thống sản xuất nông nghiệp [5], [13].

iv) Tạo ra nguồn thực phẩm sạch, bảo vệ sức khoẻ con người: NNHC hướng tới việc loại bỏ các hoá chất sử dụng trong nông nghiệp góp phần tạo ra các nông sản sạch, an toàn, không chứa dư lượng các chất độc hại, từ đó nâng cao chất lượng nông sản và bảo vệ sức khoẻ của người dân [14], [15].

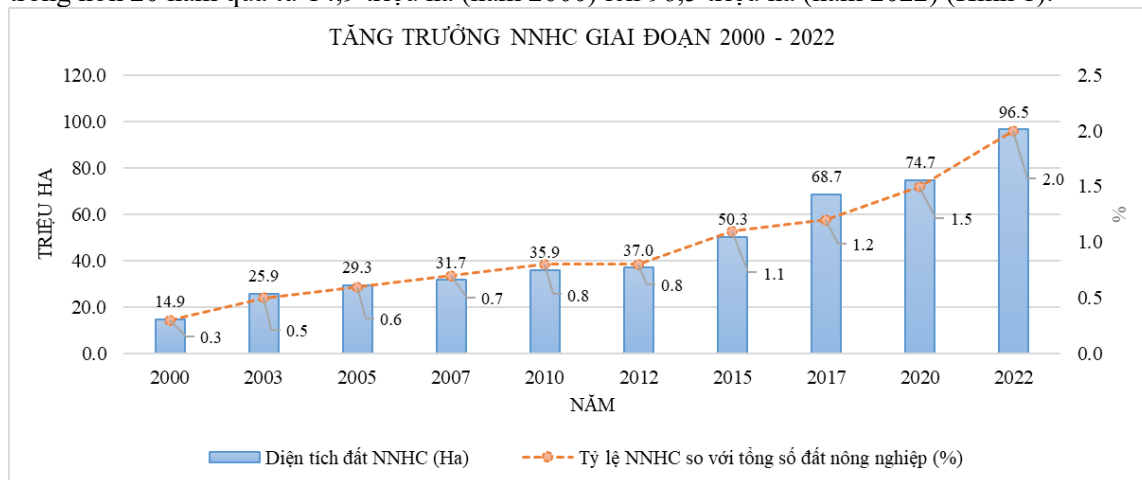
v) Giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường: Phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chủ yếu đến từ việc sử dụng phân bón hoá học thiếu hiệu quả và quản lý chất thải, phụ phẩm nông nghiệp không hợp lý. Việc hạn chế sử dụng phân bón hoá học trong NNHC góp phần giảm thiểu đáng kể lượng khí N_2O phát thải từ các khu canh tác [16]. Bên cạnh đó, việc tận dụng phân thải từ hoạt động chăn nuôi và các phụ phẩm cây trồng để làm phân compost bón cho đất trong canh tác NNHC góp phần giảm thiểu lượng chất thải chăn nuôi xả thải trực tiếp ra môi trường và hiện tượng đốt sinh khối thực vật trên đồng ruộng, qua đó giảm thiểu được ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và một lượng lớn khí nhà kính phát sinh vào khí quyển [13], [17].

Với những lợi ích to lớn cho môi trường, hệ sinh thái tự nhiên và sức khoẻ con người, NNHC trở thành một phương thức canh tác bền vững được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, phát triển. Đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy thoái đất nông nghiệp và ô nhiễm thực phẩm ngày một gia tăng trên thế giới thì NNHC đang dần trở thành xu hướng phát triển tất yếu.

3.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ

* Thực trạng phát triển trên thế giới

Theo số liệu báo cáo mới nhất của tổ chức FiLB-IFOAM (2024) [1], tổng diện tích sản xuất NNHC của toàn thế giới tính đến năm 2022 là 96,5 triệu ha và chiếm khoảng 2% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của thế giới. Như vậy, diện tích NNHC của thế giới đã tăng gấp 6,5 lần trong hơn 20 năm qua từ 14,9 triệu ha (năm 2000) lên 96,5 triệu ha (năm 2022) (Hình 1).



Hình 1. Tăng trưởng nông nghiệp hữu cơ của thế giới giai đoạn 2000 – 2022

Số lượng sản phẩm hữu cơ của thế giới năm 2022 đạt 4,5 triệu sản phẩm (tăng 25,6% so với năm 2021 và 134,7% so với năm 2012). Nhìn chung, NNHC trên thế giới có xu hướng tăng cả về diện tích và số sản phẩm trong giai đoạn 2012 – 2022 (chỉ trừ khu vực châu Mỹ La Tinh giảm cả về diện tích và số sản phẩm) (Bảng 1) [1]. Điều này cho thấy xu hướng phát triển NNHC đang diễn ra khá mạnh mẽ trên thế giới trong những năm qua.

Bảng 1 cho thấy sự phân bố không đồng đều về diện tích sản xuất NNHC trên thế giới. Các khu vực tập trung nhiều nước phát triển có diện tích chiếm tới 78,15% (Trong đó: Châu Úc chiếm 55,15%; châu Âu chiếm 19,25% và Bắc Mỹ chiếm 3,75%). Ngược lại, khu vực có nhiều quốc gia kém phát triển hơn gồm châu Phi (2,18%), châu Á (9,16%) và châu Mỹ La Tinh (9,89%) chỉ chiếm 21,85% tổng diện tích sản xuất NNHC của thế giới (Bảng 1). Tốp 10 quốc gia có diện tích NNHC lớn nhất thế giới 20,89 triệu ha, chiếm 21,74% so với tổng số gồm: Úc (17,3 triệu ha),

Ấn Độ (gần 2,1 triệu ha), Hy Lạp (0,39 triệu ha), Canada (0,35 triệu ha), Mexico (0,19 triệu ha), Ý (0,16 triệu ha), Trung Quốc (0,14 triệu ha), Pháp (99,5 nghìn ha), Cộng hòa Dominica (79,2 nghìn ha) và Thái Lan (73,5 nghìn ha) [1]. Như vậy, NNHC cũng phát triển mạnh mẽ ở các nước phát triển hơn là ở các quốc gia nghèo và đang phát triển. Một số chỉ số phát triển cơ bản của NNHC thế giới được trình bày trong bảng 2.

Bảng 1. Diện tích và sản phẩm NNHC của thế giới phân theo khu vực

Khu vực	Tổng diện tích NNHC		Số sản phẩm hữu cơ (Sản phẩm)		Tăng trưởng 2022 so với 2021		Tăng trưởng trong 10 năm (2012 – 2022)	
	Diện tích ha	Tỷ lệ %	2021	2022	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ (%)	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ (%)
Châu Phi	2,7	2,18	1.034.043	975.334	-58.709	-5,7	406.659	70,1
Châu Á	8,8	9,16	1.782.125	2.728.678	946.553	53,1	2.052.502	303,5
Châu Âu	18,5	19,25	446.529	480.135	33.606	7,5	159.652	47,7
Châu Mỹ La tinh	9,5	9,89	278.391	270.217	-8.174	-2,9	-45.593	-14,4
Bắc Mỹ	3,6	3,75	24.361	23.948	-413	-1,7	7.478	45,4
Châu Đại Dương	53,0	55,15	18.479	24.466	5.987	32,4	9.813	67,0
Tổng	96,1	100	3.583.928	4.502.778	918.850	25,6	2.590.511	134,7

Nguồn: FiBL-IFOAM-SOEL surveys 2001-2024 [1]

Bảng 2. Nông nghiệp hữu cơ: Một số chỉ tiêu chính và top các quốc gia dẫn đầu

Chỉ số	Thế giới	Top các quốc gia dẫn đầu
Các quốc gia có phát triển NNHC	188 quốc gia (Tính đến hết năm 2022)	
Diện tích đất NNHC	96,4 triệu ha năm 2022 (15 triệu ha năm 2000)	Úc (53 triệu ha) Ấn Độ (4,7 triệu ha) Argentina (4,1 triệu ha)
Tỷ lệ đất NNHC so với tổng diện tích đất nông nghiệp	2,0% năm 2022	Liechtenstein (43,0%) Úc (27,5%) Estonia (23,4%)
Gia tăng diện tích đất NNHC 2021/2022	20,3 triệu ha; + 26,6%	Úc: 17.328.259 ha (+48,6%) Ấn Độ: 2.068.825 ha (+77,8%) Hy Lạp: 390.223 ha (+73,0%)
Khu vực hoang dã và phi nông nghiệp khác	34,6 triệu ha năm 2022 (4,1 triệu ha năm 1999)	Phần Lan (6,9 triệu ha) Ấn Độ (4,4 triệu ha) Zambia (3,2 triệu ha)
Các sản phẩm hữu cơ	4,5 triệu sản phẩm năm 2022 (200.000 sản phẩm năm 1999)	Ấn Độ (2.480.859) Uganda (404.246) Thái Lan (121.540)
Thị trường hữu cơ	134,8 tỷ Euro năm 2022 (15,1 tỷ Euro năm 1999)	Mỹ (58,6 tỷ Euro) Đức (15,3 tỷ Euro) Trung Quốc (12,4 tỷ Euro)
Tiêu thụ bình quân/người	17,0 Euro năm 2022	Thụy Sĩ (437 Euro) Đan Mạch (365 Euro) Áo (274 Euro)
Số quốc gia/Vùng lãnh thổ có quy chuẩn NNHC	75 (Ban hành chính thức) 14 (Chuẩn bị ban hành)	
Số lượng chi nhánh của IFOAM	781 Chi nhánh năm 2022	Đức: 80 chi nhánh Trung Quốc: 52 chi nhánh Ấn Độ: 49 chi nhánh Mỹ: 45 chi nhánh

Nguồn: Khảo sát của FiBL-IFOAM-SOEL năm 2001-2024 [1]

Qua phân tích thực trạng phát triển NNHC trên thế giới cho thấy, mặc dù xu hướng phát triển NNHC đang diễn ra mạnh mẽ trong những năm qua (tăng 6,5 lần về diện tích và 134,7% về số sản phẩm trong giai đoạn 2012 – 2022). Tuy nhiên, diện tích sản xuất NNHC còn rất hạn chế, chỉ

chiếm 2,0% (năm 2022) trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của thế giới. Mặt khác, diện tích sản xuất NNHC cũng phân bố và phát triển chủ yếu tại các quốc gia và các khu vực có điều kiện kinh tế phát triển như châu Úc, châu Âu và Bắc Mỹ, so với các nước và khu vực có nền kinh tế chậm phát triển hơn như châu Phi, châu Á và châu Mỹ La tinh. Như vậy, mặc dù có nhiều ưu thế hơn so với sản xuất nông nghiệp truyền thống nhưng để NNHC trở thành hệ thống sản xuất nông nghiệp chính của thế giới còn là một viễn cảnh khá xa vời, đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn nữa của các quốc gia trên thế giới.

** Thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam*

- Hiện trạng phát triển

Theo số liệu của tổ chức FiLB-IFOAM (2024), tổng diện tích NNHC của Việt Nam là 31.242 ha, chiếm 0,3% tổng diện tích đất nông nghiệp của cả nước. Số lượng sản phẩm hữu cơ của Việt Nam là 21.346 sản phẩm với tổng lượng xuất khẩu 13.693 chỉ tính riêng tại hai thị trường lớn là châu Âu và châu Mỹ. Hoạt động sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đã tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt không chỉ cung ứng cho thị trường trong nước mà còn xuất khẩu ra các thị trường quốc tế. Hiện nay, cả nước có khoảng 97 doanh nghiệp tham gia sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, trong đó có khoảng 60 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu nông sản hữu cơ với kim ngạch vào khoảng 335 triệu USD/năm. Thị trường tiêu thụ nông sản hữu cơ của Việt Nam gồm 180 quốc gia khác nhau trên thế giới, trong đó một số thị trường nổi bật như: Trung Quốc, Mỹ, Liên minh châu Âu (Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italy), Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Singapore... Tình hình phát triển NNHC của Việt Nam được tổng hợp trong bảng 3. Mặc dù, diện tích sản xuất NNHC của Việt Nam có xu hướng giảm mạnh từ 58.018 ha (2017) xuống còn 31.242 ha (2022) (giảm gần 27 nghìn ha), tuy nhiên số lượng sản phẩm NNHC của Việt Nam lại tăng lên gấp đôi từ hơn 10 nghìn sản phẩm năm 2017 lên hơn 21 nghìn sản phẩm năm 2022. Bên cạnh đó, số lượng các nhà sản xuất và các tỉnh thành áp dụng NNHC ở nước ta cũng có xu hướng tăng lên. Điều này cho thấy chất lượng và hiệu quả của phát triển NNHC ở nước ta đang từng bước được cải tiến trong những năm qua [1].

Bảng 3. Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022

TT	Nội dung	2017	2022
1	Tổng diện tích đất hữu cơ (ha)	58.018	31.242
2	Tỷ lệ đất hữu cơ so với đất sản xuất nông nghiệp (%)	0,5	0,3
3	Số lượng nhà sản xuất (hộ và cơ sở)	17.174	18.865
4	Tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN11041:2017; TCVN11041:2018	
5	Ghi nhãn bắt buộc	Từ năm 2018	
6	Các sản phẩm chính	Tôm, chè, gạo, rau, gia vị	Tôm, chè, gạo, rau
7	Số tỉnh thành áp dụng NNHC	46	58
8	Số sản phẩm hữu cơ	10.105	21.346

Nguồn: FiLB-IFOAM, 2024 [1]

** Các chính sách khuyến khích*

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm tới việc phát triển bền vững khu vực nông nghiệp, nông thôn với mục tiêu xây dựng nông nghiệp sinh thái – nông dân thông minh – nông thôn hiện đại. Nhiều cơ chế chính sách đã được ban hành để khuyến khích phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó có NNHC. Các chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển NNHC của Việt Nam được tổng hợp trong Bảng 4.

Kết quả tại Bảng 4 cho thấy, cơ chế khuyến khích phát triển NNHC ở Việt Nam đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ được ban hành kịp thời đã tạo ra động lực đáng kể để thúc đẩy phát triển NNHC ở nước ta trong những năm vừa qua.

3.3. Phân tích thuận lợi và khó khăn của nông nghiệp hữu cơ

** Tiềm năng và thế mạnh*

- Nước ta có thế mạnh về phát triển nông nghiệp với tổng số gần 30 triệu ha đất nông nghiệp, khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng phát triển

quanh năm. Bên cạnh đó, nước ta có truyền thống sản xuất nông nghiệp lâu đời, người nông dân có kinh nghiệm canh tác và cần cù, chịu khó [2], [7].

- Xu hướng phát triển nông nghiệp theo hướng xanh bền vững đang được đẩy mạnh trên thế giới và Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho NNHC phát triển [2], [16]. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành những chính sách cụ thể để khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững, trong đó có đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ một cách cụ thể, rõ ràng [21], [22].

Bảng 4. Tóm tắt chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam

TT	Tên văn bản	Năm ban hành	Nội dung chính
1	Quyết định số 1820/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ [18]	31/10/2011	Thành lập Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam
2	Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [19]	09/01/2012	Quyết định về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
3	Bộ tiêu chuẩn TCVN11041 – Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	2017 - 2018	Ban hành Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN11041 - Nông nghiệp hữu cơ. Hiện nay bộ tiêu chuẩn này gồm 7 tiêu chuẩn từ TCVN11041-1 đến TCVN11042-7. Đây là căn cứ để việc sản xuất, chế biến và chứng nhận sản phẩm hữu cơ tại Việt Nam
4	Nghị định 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ [4]	29/08/2018	Nghị định về Nông nghiệp hữu cơ, trong đó quy định rõ các chính sách khuyến khích và phát triển nông nghiệp hữu cơ
5	Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [20]	29/10/2018	Ban hành các quy định chi tiết về Nông nghiệp hữu cơ
6	Quyết định số 885/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ [21]	23/06/2020	Quyết định phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030
7	Nghị quyết số 19-NQ/TW/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng [22]	16/06/2022	Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, đã nêu rõ nội dung “Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn”

- Việt Nam đã tham gia hội nhập sâu rộng với các quốc gia trên thế giới, đồng thời tham gia nhiều Hiệp định thương mại khu vực và quốc tế. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các thị trường tiêu thụ sản phẩm NNHC trên thế giới, đặc biệt là các thị trường rộng lớn và nhiều tiềm năng như: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc.

** Khó khăn, thách thức*

Mặc dù có nhiều điều kiện thuận lợi về điều kiện tự nhiên và được sự ủng hộ, khuyến khích về mặt chủ trương chính sách, tuy nhiên NNHC ở nước ta hiện nay còn gặp nhiều khó khăn thách thức, cụ thể như:

- *Yêu cầu khắt khe đối với các yếu tố đầu vào:* Một đặc điểm quan trọng của NNHC là không cho phép sử dụng phân bón hoá học và các loại hoá chất bảo vệ thực vật nhằm bảo đảm tạo ra những nông sản sạch, có chất lượng cao. Quá trình này đòi hỏi việc kiểm soát sâu, bệnh hại trên đồng ruộng phải được thực hiện bằng phương pháp thủ công hoặc sử dụng các loại thuốc trừ sâu có nguồn gốc sinh học nên tốn nhiều công lao động, khó áp dụng trên quy mô lớn, đặc biệt là trong điều kiện khí hậu nóng ẩm rất thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh và dịch hại phát triển [9], [13]. Mặt khác, phân bón hữu cơ và phân vi sinh thường có tác dụng chậm hơn so với các loại phân bón hoá học nên trong giai đoạn đầu năng suất của cây trồng ở các vùng sản xuất NNHC thường thấp làm giảm hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

- *Năng suất của NNHC thấp*: Do không sử dụng phân bón hoá học và các loại hoá chất bảo vệ thực vật nên NNHC thường có năng suất thấp hơn đáng kể từ 20-25% so với nông nghiệp truyền thống [2], [9]. Điều này dẫn tới người nông dân thường không mặn mà với sản xuất NNHC, mặc dù phương thức này đem lại nhiều lợi ích to lớn về môi trường sinh thái và sức khoẻ cộng đồng.

- *Tăng trưởng của NNHC thấp khó đáp ứng được yêu cầu của an ninh lương thực*: Mặc dù được khuyến khích phát triển trong những năm qua nhưng nhìn chung NNHC vẫn chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói chung (chỉ chiếm 2% tổng diện tích đất nông nghiệp thế giới. Tại Việt Nam, diện tích canh tác NNHC chiếm 0,3% so với tổng diện tích đất nông nghiệp) [1]. Diện tích sản xuất nhỏ, năng suất thấp khiến cho NNHC khó có thể đáp ứng được yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực của quốc gia, đây là một trong những yếu tố then chốt dẫn tới nhiều quốc gia trên thế giới cân nhắc thực hiện các chiến lược phát triển NNHC của mình.

- *Giá thành của các sản phẩm NNHC cao*: Do năng suất không cao cộng với việc phát sinh nhiều công lao động trong quá trình chăm sóc nên các sản phẩm NNHC thường có giá thành cao hơn khá nhiều so với các sản phẩm nông nghiệp thông thường (2-4 lần). Điều này làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm NNHC trên thị trường [2], [9]. Thông thường các sản phẩm NNHC rất kén chọn khách hàng, tập trung vào các đối tượng có thu nhập cao tại các thành phố, đô thị lớn.

- *Quy mô sản xuất nhỏ lẻ*: Đặc điểm chung của các hộ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam là theo quy mô nhỏ lẻ, manh mún nên khó tập trung được nguồn lực sản xuất và tạo ra sản phẩm hàng hoá phục vụ xuất khẩu hoặc chế biến công nghiệp. Điều này không chỉ dẫn tới làm gia tăng chi phí sản xuất mà còn hạn chế trong tiếp cận thị trường tiêu thụ. Các sản phẩm NNHC chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường nội địa, trong khi đó thị trường xuất khẩu còn rất hạn chế [2], [7].

- *Nhận thức về NNHC của người nông dân còn nhiều hạn chế*: Nhận thức và yêu cầu của người tiêu dùng ở nước ta về chất lượng nông sản và an toàn thực phẩm đã ngày một nâng cao. Tuy nhiên, nhìn chung hiểu biết về NNHC của người dân còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đối với người nông dân dẫn tới nhiều trường hợp không đảm bảo yêu cầu sản xuất của NNHC khiến cho sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn để xuất khẩu và đánh mất niềm tin của khách hàng nội địa [7], [14], [16].

- *Hạn chế về hệ thống chính sách, pháp luật*: Mặc dù đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để thúc đẩy và khuyến khích phát triển NNHC nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như chưa có chiến lược cụ thể để phát triển NNHC cho từng vùng sinh thái, chưa có tổ chức được cấp phép chứng nhận sản phẩm NNHC, thiếu các hướng dẫn cụ thể để sản phẩm NNHC tiếp cận với thị trường nông sản quốc tế...

- *Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu*: Vấn đề ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tại các khu vực sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng gia tăng ở nước ta trong những năm qua, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo phương thức truyền thống sang canh tác hữu cơ do điều kiện nền tảng của môi trường tự nhiên không bảo đảm [7], [16]. Thêm vào đó, diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu làm gia tăng các kiểu thời tiết cực đoan như nắng nóng, hạn hán, mưa lớn, ngập lụt, rét đậm, rét hại diễn ra phổ biến và phức tạp ở khắp các vùng miền trong cả nước khiến cho điều kiện sản xuất của NNHC càng trở nên khó khăn hơn [23].

- *Sự cạnh tranh của các sáng kiến bền vững khác*: Tại Việt Nam, bên cạnh NNHC còn nhiều mô hình canh tác nông nghiệp khác hướng tới sự phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu như: Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái... Các mô hình nông nghiệp này cũng hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng nông sản. Tuy nhiên, so với NNHC các mô hình nông nghiệp kể trên không yêu cầu quá khắt khe về các yếu tố đầu vào khi vẫn cho phép sử dụng phân bón và thuốc BVTV hoá học một cách cân đối, phù hợp [7], [16].

**Đề xuất các giải pháp*

Để thúc đẩy và phát triển NNHC ở nước ta trong thời gian tới đòi hỏi Nhà nước phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để khắc phục các khó khăn, thách thức đã đề cập ở trên. Một số giải pháp cụ thể được đề xuất như sau:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy NNHC, trong đó chú trọng tới việc xây dựng Chiến lược phát triển NNHC một cách dài hạn; quy hoạch phát triển các vùng sản xuất NNHC quy mô lớn phù hợp với điều kiện tự nhiên của các vùng sinh thái; đẩy mạnh chính sách phát triển các thị trường tiêu thụ sản phẩm NNHC, đặc biệt là các thị trường ngách trong nước (thị trường dành cho những người có thu nhập cao và yêu thích sản phẩm NNHC) và các thị trường tiêu thụ sản phẩm NNHC lớn trên thế giới như: Mỹ và Liên minh châu Âu; thành lập cơ quan, tổ chức có chức năng chứng nhận các sản phẩm NNHC được công nhận trong phạm vi quốc gia, quốc tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao vào sản xuất NNHC để giảm thiểu công lao động chăm sóc và tăng hiệu quả kiểm soát các loại sâu dịch hại trên đồng ruộng góp phần nâng cao năng suất và giảm giá thành sản phẩm NNHC.

- Tiến hành tốt công tác đồn điền đôi thửa, tích tụ đất đai để hình thành nên các vùng sản xuất NNHC quy mô lớn có khả năng ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc hiện đại để tạo ra sản phẩm NNHC quy mô hàng hoá, đáp ứng những yêu cầu cao của các thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các biện pháp kiểm soát các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp để bảo đảm nền tảng môi trường trong sạch cho NNHC hình thành và phát triển.

- Nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về NNHC, đặc biệt là việc tuân thủ các yêu cầu của quy trình canh tác hữu cơ và những lợi ích mà NNHC đem lại cho môi trường sinh thái và sức khoẻ của cộng đồng. Giúp mọi người có cái nhìn thiện cảm và toàn diện hơn về các sản phẩm NNHC trên thị trường.

4. Kết luận

NNHC với những ưu thế vượt trội trong bảo vệ môi trường sinh thái và sức khoẻ cộng đồng đã và đang trở thành xu hướng phát triển nông nghiệp, nhận được sự quan tâm, khuyến khích phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Ở nước ta, NNHC đã có những bước phát triển đáng ghi nhận về chất lượng mặc dù tổng diện tích canh tác NNHC giảm mạnh (hơn 20 nghìn ha) từ hơn 58 nghìn ha (2017) xuống còn hơn 31 nghìn ha (2022), nhưng số lượng sản phẩm hữu cơ lại tăng gấp đôi từ hơn 10 nghìn sản phẩm (2017) lên trên 21 nghìn sản phẩm (2022). Bên cạnh đó, số lượng các nhà sản xuất và các địa phương trong cả nước thực hiện NNHC liên tục tăng nhanh, tạo công ăn việc làm cho hơn 20 nghìn lao động. Tuy nhiên, giống như thực trạng chung của thế giới, phát triển NNHC ở Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: hạn chế trong nhận thức của người dân về NNHC; ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu gia tăng; thị trường tiêu thụ hạn chế; năng suất và hiệu quả kinh tế thấp và nhiều khó khăn vướng mắc khác. Do đó, để NNHC trở thành mô hình sản xuất nông nghiệp chính có vai trò chủ đạo ở nước ta đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực nhiều hơn nữa của Chính phủ và người dân trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] FiBL and IFOAM, *The World of Organic Agriculture: Statistics and Emerging Trend 2024*, Germany, 2024.
- [2] V. B. Nguyen, "Organic agriculture production in Vietnam: Opportunities, challenges, and issues of concern," *Proceedings of the First National Forum on Organic Agriculture Development*, December 27, 2017.
- [3] G. Rahmann, "Organic Agriculture 3.0 is innovation with research," *Organic Agriculture*, vol. 7, pp.169-197, 2017, doi: 10.1007/s13165-016-0171-5.
- [4] Vietnam Government, *Decree 109/2018/ND-CP of the Government dated August 29, 2018 on Organic Agriculture*, Hanoi, 2018.
- [5] National Research Council/Committee on twenty-first century systems agriculture, *Toward sustainable agricultural systems in the 21st century*, National Academies Press, Washington, DC, 2010.
- [6] V. T. Dinh, T. M. N. Bui, N. K. La, and Q. B. Tran, "Actual status of agricultural production on forest land in The Central Highlands of Vietnam," *Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 13, pp. 1-10, 2019.
- [7] H. Hoang, T. H. A. Nguyen, H. L. Nguyen, and H. M. Nguyen, "Assessment of the current status and potential of environmental resources for the development of organic agriculture in the Central Highlands

- region, Vietnam,” *Vietnam Journal of Science and Technology - Ministry of Science and Technology*, no. 66, pp. 25-34, 2024.
- [8] M. Iqbal, A. G. Khan, A. U. Hassan, M. W. Raza, and M. Amjad, "Soil organic carbon, nitrate contents, physical properties and maize growth as influenced by dairy manure and nitrogen rates," *Int. J. Agric. Biol.*, no. 14, pp. 20-28, 2012.
- [9] T. N. Nguyen and H. N. Tran, "Development of organic agriculture in Vietnam: Some theoretical and practical issues," *American Research Journal of Humanities & Social Science (ARJHSS)*, vol. 05, no. 03, pp. 36-42, 2022.
- [10] T. B. Nguyen, H. D. Dinh, B. N. Hoang, T. T. Do, P. Milham, D. T. Hoang, and T. S. Cao, "Composted tobacco waste increases the yield and organoleptic quality of leaf mustard," *Agrosystems, Geosciences & Environment*, no. 5, 2022, Art. no. e20283, doi: 10.1002/agg2.20283.
- [11] FiBL and IFOAm, *The World of Organic Agriculture 2021*, Germany, 2021.
- [12] L. Zheng, S. Yuheng, G. Liqun, P. Xiaoman, Z. Yingming, C. Lina, L. Ying, W. Wenting, and L. Xinyu, "Impact of various organic fertilizers on the growth, yield, and soil environment of peanuts subjected to continuous cropping obstacles," *Pol. J. Environ. Stud.*, vol. 32, no. 3, pp. 3683-3693, 2023.
- [13] T. H. G. Nguyen, T. S. Cao, T. B. T. Nguyen, and D. A. Luong, "Conservation agriculture approaches for sustainable agriculture and vegetable growers perception in Gia Lam, Hanoi," *Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 12, pp. 158–168, 2018.
- [14] T. S. Bach, "Vietnam organic agriculture toward sustainable consumption and production," *JSTPM*, vol. 8, no. 3+4, pp. 51-71, 2019.
- [15] K. D. Nguyen, T. M. H. Bui, and T. T. H. Nguyen, "Conversion to Organic Farming in Tea Production at Thai Nguyen Province," *Journal of Economics and Development*, no. 226, pp. 83-89, 2016.
- [16] T. L. Nguyen, T. S. Cao, V. D. Bui, and N. T. Nguyen, "Situation and Challenges in Green-Oriented Agricultural Development in Thua Thien Hue Province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 227, no. 17, pp. 39-49, 2022.
- [17] T. L. Nguyen and T. S. Cao, "Current Status of Agricultural By-Products and Management Solutions in Vietnam," *Proceedings of the National Scientific Conference on Agricultural and Rural Environment and Sustainable Development in Hanoi*, April 15, 2024, pp. 159–168.
- [18] Vietnam Home Office, *Decision No. 1820/QĐ-BNV of the Minister of Home Office dated October 31, 2011 on the Establishment of the Vietnam Organic Agriculture Association*, Hanoi, 2011.
- [19] Prime Minister of Vietnam, *Decision No. 01/2012/QĐ-TTg of the Prime Minister dated January 19, 2012 on a number of policies to support the application of Good Agricultural Practices in agriculture, forestry and fisheries*, Hanoi, 2012.
- [20] Vietnam Ministry of Agriculture and Rural Development, *Circular No. 16/2018/TT-BNNPTNT of the Ministry of Agriculture and Rural Development: Amending and supplementing a number of articles of Circular No. 48/2013/TT-BNNPTNT dated November 12, 2013 of the Minister of Agriculture and Rural Development on inspection and certification of food safety of exported aquatic products, Circular No. 02/2017/TT-BNNPTNT dated February 13, 2017 of the Minister of Agriculture and Rural Development amending and supplementing a number of articles in Circular No. 48/2013/TT-BNNPTNT*, Hanoi, 2018.
- [21] Prime Minister of Vietnam, *Decision No. 885/2020/QĐ-TTg of the Prime Minister dated June 23, 2020 approving the project on organic agriculture development for the period 2020 – 2030*, Hanoi, 2020.
- [22] Central Executive Committee of the Communist Party of Vietnam, *Resolution No. 19-NQ/TW/2022 of the Central Executive Committee of the Party on agriculture, farmers and rural areas to 2030, with a vision to 2045*, Hanoi, 2022.
- [23] T. P. Tran, D. V. Tran, T. S. Cao, T. T. Doan, and S. Greiving, "Impact of climate change on agricultural production and food security: A case study in the Mekong River Delta of Vietnam," *Sustainability*, no. 16, 2024, Art. no. 7776, doi: 10.3390/su16177776.